

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. QUY NHƠN-TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2020/HSST

Ngày: 19 - 10 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN - TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thúy

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trịnh Thị Xuân Hoài: Cán bộ hưu trí phường Trần Hưng Đạo, TP. Quy Nhơn.

2. Bà Trương Thị Thu Hiền: Chủ tịch Hội LHPN phường Đống Đa, TP. Quy Nhơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Hương Giang là Thư ký Tòa án nhân dân TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Quy Nhơn tham gia phiên tòa: Ông Trần An Vinh là Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 10 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 115/2020/HSST ngày 02 tháng 10 năm 2020, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 169/2020/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 10 năm 2020 đối với bị cáo:

TRẦN THỊ MỸ X., sinh năm 1992 tại tỉnh B.; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Tổ 21, khu vực 4, phường Đ., TP. Q., tỉnh B.; giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 9/12; con ông Trần Văn B. (chết) và bà Ngô Thị B., sinh năm 1965; có chồng là ông Vương Cát H., sinh năm 1985; có 03 con, lớn nhất 09 tuổi, nhỏ nhất gần 03 tháng tuổi; tiền án, tiền sự: Không; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt.

- Bị hại:

Chị Trần Thị Mỹ H., sinh năm 1997; trú tại: Tổ 46, khu vực 9, phường Đ., TP. Q., tỉnh B.; Có mặt.

-Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Anh Trần Minh N., sinh năm 1992; Trú tại: Tổ 9, khu vực 8, phường N., TP. Q., tỉnh B.; Vắng mặt.

Ông Lê Văn T., Chủ DNTN hiệu vàng T. II; Địa chỉ: Số nhà 113-115 đường L., TP. Q., tỉnh B.; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Thị Mỹ X. và Trần Thị Mỹ H. là chị em ruột. H. sinh sống cùng mẹ ruột là bà Ngô Thị B. ở Tổ 46, khu vực 9, phường Đ., TP. Q.. Trưa một ngày cuối tháng 3/2020, X. đến nhà mẹ ruột để chơi với H.. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, thấy không có ai ở nhà nên X. nảy sinh ý định lấy trộm tài sản. X. vào phòng của H. lấy chìa khóa mở tủ lấy 50.000.000 đồng và 14 vòng đeo tay bằng vàng, có cùng họa tiết, kích cỡ; 01 chiếc nhẫn vàng loại 01 chỉ; 01 sợi dây chuyền vàng có mặt dây ký hiệu thương hiệu Chanel rồi bỏ vào ví cầm tay của mình, sau đó mang về nhà cất giấu. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, X. đem sợi dây chuyền vàng có mặt ký hiệu thương hiệu Chanel đến tiệm vàng T. II bán cùng với chiếc nhẫn là tài sản riêng của mình được khoảng 15.000.000 đồng. Sau đó, X. lấy thêm 10.000.000 đồng tiền mặt trộm được cùng với số tiền bán sợi dây chuyền để mua sắm các vật dụng, chi tiêu trong gia đình.

Ngày 14/4/2020, chị . phát hiện số tài sản nêu trên bị mất nên báo Công an phường Đ., TP. Q.. Qua xác minh, Trần Thị Mỹ X. thừa nhận hành vi vi phạm của mình và giao nộp lại số tiền 40.000.000 đồng, 14 vòng đeo tay, có cùng họa tiết và kích cỡ; 01 chiếc nhẫn vàng loại 01 chỉ.

Ngày 05/6/2020, Phân viện Khoa học hình sự tại TP. Đ. kết luận: 14 chiếc vòng đeo tay bằng kim loại màu vàng có cùng họa tiết và kích cỡ, hàm lượng vàng trung bình là 59,5%, tổng khối lượng mẫu là 32,01g; 01 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, mặt ngoài trơn, mặt trong có chữ và số “1C Ngọc Thiện Phẩm 97% vi tính”, hàm lượng vàng trung bình là 96,6%, tổng khối lượng mẫu là 3,74g.

Ngày 29/6/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự TP. Q. kết luận: 14 chiếc vòng đeo tay bằng kim loại màu vàng có cùng họa tiết và kích cỡ, hàm lượng vàng trung bình là 59,5%, tổng khối lượng mẫu là 32,01g trị giá 25.168.000 đồng; 01 chiếc nhẫn, mặt ngoài trơn, mặt trong có chữ và số “1C Ngọc Thiện Phẩm 97% vi tính”, hàm lượng vàng trung bình là 96,6%, tổng khối lượng mẫu là 3,74g trị giá 4.300.000 đồng; 01 dây chuyền hàm lượng vàng 61%, tổng khối lượng 03 chỉ 888 trị giá 11.975.000 đồng; 01 mặt dây chuyền (có hình dạng ký hiệu thương hiệu Chanel), hàm lượng vàng 61%, tổng khối lượng là 01 chỉ 05 trị giá 3.645.000 đồng, tổng giá trị tài sản là: 45.088.000 đồng.

Cơ quan CSĐT - Công an TP. Q. đã tạm giữ và xử lý trả lại 14 chiếc vòng đeo tay bằng kim loại màu vàng có cùng họa tiết và kích cỡ; 01 chiếc nhẫn, mặt ngoài trơn, mặt trong có chữ và số “1C Ngọc Thiện Phẩm 97% vi tính” và số tiền mặt 40.000.000 đồng tài sản cho chị Trần Thị Mỹ H..

Quá trình điều tra, Trần Thị Mỹ X. đã bồi thường cho chị Trần Thị Mỹ H. số tiền 22.000.000 đồng. Chị H. và anh Trần Minh N. không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Bản Cáo trạng số 114/CT - VKSQN ngày 02 tháng 10 năm 2020 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Q. truy tố Trần Thị Mỹ X. về tội “Trộm cắp tài sản” với tình tiết định khung hình phạt “Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 (BLHS).

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Bị cáo Trần Thị Mỹ X. có năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Trong thời gian dịch bệnh không có tiền tiêu xài, lợi dụng lúc em gái là chị Trần Thị Mỹ H. đi vắng, đã lén lút lấy trộm tài sản của chị H. và anh Nh. do chị H. quản lý có tổng giá trị 95.088.000 đồng, nên Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố. Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã nộp lại toàn bộ số tài sản chưa tiêu thụ và bồi thường bằng tiền đối với tài sản đã tiêu thụ cho bị hại, tại thời điểm phạm tội bị cáo đang mang thai, nhân thân tốt, nơi cư trú rõ ràng, nhất thời phạm tội, hiện đang nuôi con gần 03 tháng tuổi, bị cáo và bị hại là chị em ruột, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 BLHS, xử phạt bị cáo từ 24 đến 30 tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không tự bào chữa.

Bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và xin cho bị cáo được hưởng án treo để có điều kiện nuôi con nhỏ.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo biết sai, bị cáo đang nuôi con nhỏ, xin Tòa giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo ở ngoài để có điều kiện chăm sóc con.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Quy Nhơn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi,

quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2] Bị cáo Trần Thị Mỹ X. có sức khỏe và trình độ học vấn, đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi của mình nên biết rất rõ tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm đều được phát hiện kịp thời và xử lý nghiêm minh nhưng khi khó khăn trong cuộc sống, bị cáo lợi dụng lúc nhà mẹ ruột là bà Ngô Thị B. và em gái là chị Trần Thị Mỹ H. ở tại Tổ 9, khu vực 8, phường N., TP. Q., tỉnh B. không có ai, lén lút mở tủ lấy 50.000.000 đồng, 14 vòng đeo tay bằng vàng có cùng họa tiết, kích cỡ; 01 chiếc nhẫn vàng loại 01 chỉ; 01 sợi dây chuyền vàng có mặt dây ký hiệu thương hiệu Chanel của vợ chồng chị X., anh N. do chị H. quản lý. Theo kết quả giám định ngày 05/6/2020 của Phân viện Khoa học hình sự tại TP. Đ. thì 14 chiếc vòng đeo tay bằng kim loại màu vàng có cùng họa tiết và kích cỡ, hàm lượng vàng trung bình là 59,5%, tổng khối lượng mẫu là 32,01g; 01 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, mặt ngoài trơn, mặt trong có chữ và số “1C Ngọc Thiện Phẩm 97% vì tính”, hàm lượng vàng trung bình là 96,6%, tổng khối lượng mẫu là 3,74g. Theo kết quả định giá của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự TP. Q. thì tổng giá trị tài sản, tiền bị cáo chiếm đoạt của vợ chồng chị H., anh N. là 95.088.000 đồng nên bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” với tình tiết định khung hình phạt “Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 BLHS.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội ở địa phương nên cần xử lý nghiêm mới có tác dụng giáo dục riêng đối với bị cáo, răn đe và phòng ngừa chung đối với xã hội.

[4] Tại cơ quan Điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, đã giao nộp số tài sản, tiền chưa tiêu thụ cho cơ quan điều tra để trả lại cho bị hại và bồi thường bằng tiền số tài sản đã tiêu thụ cho bị hại, được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, lúc phạm tội bị cáo đang mang thai nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b,n,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

[5] Xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS, nhân thân tốt, nơi cư trú rõ ràng, nhất thời phạm tội, giữa bị cáo và bị hại là chị em trong gia đình, bị cáo hiện đang nuôi con mới gần 03 tháng tuổi nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54; Điều 65 BLHS xử bị cáo với mức án dưới khung hình phạt, thấp hơn mức Kiểm sát viên đề nghị và không cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, xử bị cáo hình phạt tù cho hưởng án treo để bị cáo tự cải tạo trong sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú như đề nghị của Kiểm sát viên và người bị hại tại phiên tòa vẫn bảo đảm tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[6] Bị cáo khai mang sợi dây chuyền vàng có mặt ký hiệu thương hiệu Chanel lấy của vợ chồng chị H. bán tại tiệm vàng T. II, nhưng chủ hiệu vàng T. II, ông Lê Văn T. không thừa nhận, không có chứng cứ khác để chứng minh nên ông T. không phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác mà có”.

[7] Bồi thường thiệt hại:

Bị hại đã nhận lại 14 chiếc vòng đeo tay bằng kim loại màu vàng có cùng họa tiết và kích cỡ; 01 chiếc nhẫn, mặt ngoài trơn, mặt trong có chữ và số “1C Ngọc Thiện Phẩm 97% vi tính” và số tiền mặt 40.000.000 đồng, bị cáo đã bồi thường cho bị hại 22.000.000 đồng. Chị H., anh N. không yêu cầu bồi thường thiệt hại thêm nên không xét.

[8] Về án phí:

Bị cáo bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản” nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Thị Mỹ X. phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 BLHS.

Xử phạt bị cáo Trần Thị Mỹ X. 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho UBND phường Đ., TP. Q., tỉnh B. giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố tình vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án cho hưởng án treo.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong

hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND Tp. Quy Nhơn;
- Chi cục THADS Tp. Quy Nhơn;
- CQ CSĐT CA Tp. Quy Nhơn;
- Đội ĐTTH CA Tp. Quy Nhơn;
- Đương sự;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Thúy